TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **671**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 18 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, Điều 58 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 736/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Lê Văn H, sinh năm 1993; Địa chỉ: 1/31/88 NKC, phường AT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Chị Lê Thị A, sinh năm 1995; Địa chỉ: 1/31/88 NKC, phường AT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 01/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố H nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, đối với người yêu cầu anh Lê Văn H và chị Lê Thị A. Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Lê Thị A.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên là Lê Thị Kiều T, sinh ngày 01/7/2014.

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao con chung Lê Thị Kiều T, sinh ngày 01/7/2014 cho chị Lê Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1 tháng

1.000.000 đồng, kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu thành niên,đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị A tự nguyện thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị A xác nhận quá trình chung sống không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tổ chức hòa giải nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Tại biên bản hòa giải ngày 07 tháng 9 năm 2023, anh H, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu như ban đầu và yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên đương sự. Cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Lê Thị A.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Lê Thị Kiều T, sinh ngày 01/7/2014.

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao con chung Lê Thị Kiều T, sinh ngày 01/7/2014 cho chị Lê Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1 tháng 1.000.000 đồng(Một triệu đồng), kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu thành niên,đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị A tự nguyện thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị A xác nhận quá trình chung sống không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu 150.000 đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Lê Thị A.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên là Lê Thị Hiều T, sinh ngày 01/7/2014.

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao con chung Lê Thị Kiều T, sinh ngày 01/7/2014 cho chị Lê Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, đủ 18 tuổi. (Hiện nay cháu T đang ở với chị A). Anh Lê Văn Hiện tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1 tháng 1.000.000 đồng(Một triệu đồng). kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu thành niên,đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi ích của con anh Lê Văn H và chị Lê Thị A có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị A tự nguyện thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị A xác nhận quá trình chung sống không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận anh H chịu 150.000 đồng, chị A chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai số AA/2021/0006524 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Lê Văn H và chị Lê Thị A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố H;
- UBND phường AT, thành phố H (ĐKKH số 11, ngày 27/2/2014);
- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

NGUYỄN HƯƠNG LAN